

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHIÊM HOÁ  
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 09/4/2024

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ - TỈNH TUYÊN QUANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lâm Hạnh Quỳnh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Mai Thanh Tùng.  
2. Bà Trần Thị Hương.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thảo Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:** Bà Chu Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số: 294/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2024/QĐST-HNGĐ ngày 25/3/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phùng Văn T, sinh năm 1995. Địa chỉ: Thôn BC, xã TM, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, *có mặt tại phiên tòa.*

- Bị đơn: Chị Triệu Thị T1, sinh năm 1996. Địa chỉ: Thôn NH, xã TM, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, *đã được triệu tập họp lệ lần thứ 02, vắng mặt tại phiên tòa.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Phùng Văn T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phùng Văn T và chị Triệu Thị T1 được tự do tìm hiểu đã đăng ký kết hôn ngày 29/12/2022 tại Ủy ban nhân dân xã TM, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn anh T chị T1 chung sống tại thôn BC, xã TM, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 3 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân anh T cho rằng là do chị T1 đòi đi làm công ty nhưng vì hai vợ chồng mới cưới, anh T

cũng hứa hẹn một thời gian sau sẽ cùng chị T1 đi làm nhưng chị T1 không đồng ý, nên chị T1 bỏ về nhà mẹ đẻ của chị T1 ở được một tuần thì anh T đến đón chị T1 về nhà cùng chung sống, nhưng hai hôm sau chị T1 lại tự ý dọn quần áo và bỏ đi. Anh T và chị T1 đã sống ly thân từ tháng 3/2023 cho đến nay. Anh Phùng Văn T xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị T1 không còn, hôn nhân không thể khắc phục được, anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Triệu Thị T1.

- Về con chung: Không có, không đề N Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không đề N Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Phùng Văn T có mặt, giữ nguyên ý kiến, quan điểm như đã trình bày trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án và không thay đổi, bổ sung gì.

Quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án, mở phiên họp việc kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ, phiên họp hòa giải lần 01 và lần 02 cho đến tại phiên tòa, bị đơn chị Triệu Thị T1 đều vắng mặt không có lý do và không có quan điểm, ý kiến gửi đến Tòa án (mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng).

Tòa án đã tiến hành xác minh đối với bà Triệu Thị N, địa chỉ tại thôn NH, xã TM, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang (là mẹ đẻ của chị Triệu Thị T1); bà Ma Thị H, công an viên thôn NH, xã TM, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang; bà Quan Thị Hàn, trưởng thôn BC, xã TM, huyện Chiêm Hóa và Công an xã TM, huyện Chiêm Hóa xác định chị Triệu Thị T1 có hộ khẩu thường trú tại thôn NH, xã TM, huyện Chiêm Hóa, tuy nhiên thực tế hiện nay chị T1 đã đi làm ăn xa, không có mặt tại gia đình và địa phương; bà N xác nhận thỉnh thoảng chị T1 có về thăm gia đình vào các dịp lễ tết và hiện nay không biết cụ thể địa chỉ tạm trú cũng như khi nào chị T1 mới trở về gia đình và địa phương. Theo bà N cho biết: Anh Phùng Văn T và chị Triệu Thị T1 được tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật năm 2022 tại UBND xã TM, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn anh T và chị T1 về chung sống cùng gia đình nhà bố mẹ đẻ anh T tại thôn BC, xã TM, huyện Chiêm Hóa được khoảng 02 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, bà N cho biết nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống gia đình với gia đình anh T. Sau đó anh T và gia đình anh T đuổi chị T1 ra khỏi nhà, chị T1 phải về sinh sống tại nhà bà N. Khoảng vài hôm sau, anh T lại đón chị T1 về nhà bố mẹ đẻ anh T tiếp tục chung sống, tuy nhiên, mâu thuẫn giữa anh T và chị T1 không thể khắc phục được, cho đến khoảng tháng 3 năm 2023 thì chị T1 đi làm ăn tại tỉnh Phú Thọ, địa chỉ cụ thể nơi chị T1 làm việc thì bà N không nắm được. Anh T và chị T1 đã sống ly thân từ tháng 3/2023 cho đến nay. Bà N xác định khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa và đã thông báo cho chị T1 biết về việc anh Phùng Văn T có đơn xin ly hôn đối với chị T1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Việc T theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng quy định, bị đơn không thực hiện về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; các Điều 143, 144, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; N quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Phùng Văn T, cho anh Phùng Văn T được ly hôn chị Triệu Thị T1.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh Phùng Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định; chị Triệu Thị T1 không phải chịu án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Về yêu cầu kiến N, khắc phục vi phạm trong tố tụng: Không.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*[1] Về pháp luật tố tụng.*

Anh Phùng Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang giải quyết việc ly hôn đối với chị Triệu Thị T1; chị Triệu Thị T1 có hộ khẩu thường trú tại thôn NH, xã TM, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn " và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

Theo cung cấp của Công an xã TM, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang thì chị Triệu Thị T1 có hộ khẩu thường trú tại thôn NH, xã TM, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Chị T1 đi làm ăn xa nhưng không thông báo địa chỉ mới nên hiện tại không rõ chị T1 đang ở đâu, làm gì. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập họp lệ đối với chị T1 đến Tòa án để làm việc nhưng chị T1 vắng mặt không có lý do, chị T1 đã được thông báo nhưng vẫn không về, đây được xem là trường hợp người bị kiện cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Phùng Văn T có mặt và giữ nguyên ý kiến quan điểm như trong đơn khởi kiện, bị đơn chị Triệu Thị T1 vắng mặt không có lý do (đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng), Hội đồng

xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo đúng quy định của pháp luật.

*[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

[2.1] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Phùng Văn T và chị Triệu Thị T1 là hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TM, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu cho đến tháng 3 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, xảy ra nhiều cãi vã, không có sự quan tâm, chia sẻ trong cuộc sống, chị T1 và anh T đã ly thân từ tháng 3 năm 2023 cho đến nay, anh T xác định tình cảm vợ chồng thực sự đã hết, mâu thuẫn đã trầm trọng, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với chị Triệu Thị T1.

Qua quá trình xác minh xác định thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị T1 đã rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; thể hiện tại Biên bản xác minh ngày 25/01/2024 (BL 44, 45) thấy rằng anh T và chị T1 đã sống ly thân, kể từ khi ly thân, giữa anh T và chị T1 không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, do vậy giữa anh T và chị T1 không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Tuy giữa anh T và bà N (mẹ đẻ của chị T1) xác định nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng anh T và chị T1 khác nhau nhưng mâu thuẫn giữa anh T và chị T1 là thực tế và hiện anh chị đã sống ly thân. Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Phùng Văn T, cho anh T được ly hôn chị Triệu Thị T1.

[2.2] Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ các Điều 143, 144, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; N quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; anh Phùng Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định; chị Triệu Thị T1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

[4] Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 143, 144, 147; các Điều 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 53, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; N quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:**

1. Về Hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Phùng Văn T, cho anh Phùng Văn T được ly hôn chị Triệu Thị T1.

2. Về án phí: Anh Phùng Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000<sup>d</sup> (*ba trăm nghìn đồng*). Anh T đã nộp 300.000<sup>d</sup> (*ba trăm nghìn đồng*) theo giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000000775090 ngày 10/11/2023 của Đơn vị trung gian thanh toán Công ty cổ phần thanh toán quốc gia Việt Nam và biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0001489, ngày 13/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa, nay được chuyển thành án phí dân sự sơ thẩm ly hôn (anh T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn). Chị Triệu Thị T1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (09/4/2024), bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai./.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện Chiêm Hóa;
- UBND xã TM (nơi ĐKKH);
- Chi cục THADS huyện Chiêm Hóa;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Lâm Hạnh Quỳnh**